

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên vật liệu cho đề tài ĐHQG, mã số: B2026-18-07, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- 1. Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Tiếp nhận báo giá theo hình thức:
 - Nhận trực tiếp: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh. Số điện thoại: 028 38304094.
 - Nhận qua Email: ctkoanh@hcmus.edu.vn/Số điện thoại: 0946855575 - Cao Thị Kiều Oanh.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo **đến hết ngày 20 tháng 04 năm 2026.**
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 90 ngày, **kể từ ngày 20 tháng 04 năm 2026.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng **90 ngày** (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).
- Điều khoản thương mại:
 - Tạm ứng: không áp dụng.
 - Phương thức thanh toán: thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
 - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- Điều khoản giao hàng/bảo hành/khắc phục sửa chữa:
 - Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương thức giao hàng: Bàn giao hàng hóa, kiểm tra thông số, số lượng và hướng dẫn sử dụng (nếu có).
 - Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Thay thế nguyên vật liệu bị hỏng do điều kiện bảo quản của nhà cung cấp: nứt, bể, vỡ trong quá trình vận chuyển... nhanh nhất (trong vòng 24 giờ) trừ trường hợp bất khả kháng (công văn yêu cầu xác nhận thực tế).
5. Thành phần hồ sơ báo giá:
- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
 - Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
 - Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. (Nếu có)
6. Các thông tin khác:
- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
 - Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...
- Trân trọng thông báo.

TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

(Đã ký)

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Hexane công nghiệp		Việt Nam	2026	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 40%	Phuy/138 kg	1
2	Chloroform công nghiệp		Việt Nam	2026	Việt Nam	Việt Nam	Là chất lỏng không màu, hòa tan ít trong nước, nó không cháy trong không khí	Phuy/ 250kg	1
3	Acetone công nghiệp		Việt Nam	2026	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 99.5%. Tỷ trọng 0.79-0.793	Phuy/ 160kg	2
4	Ethyl acetate công nghiệp		Việt Nam	2026	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 99.5%. Tỷ trọng 0.8970 - 0.9040.	Phuy/180 kg	1
5	Ethanol công nghiệp		Việt Nam	2026	Việt Nam	Việt Nam	Phần trăm độ tinh khiết: 96%, Dạng vật chất: lỏng	Lít	150
6	Dimethyl sulfoxide	67-68-5	Trung Quốc	2026	Trung Quốc	Trung Quốc	Dạng vật chất: Lỏng, không màu. Áp suất hơi: 0,55mbar ở 20°C. Độ nhớt: 1,98 mPaS ở 25°C	Chai/ 500ml	2
7	Dichloromethane	75-09-2	Chemsol	2026	Chemsol	Việt Nam	Phần trăm độ tinh khiết: 99.9%. Độ ẩm ≤ 500 ppm. Cặn không bay hơi ≤ 200 ppm	500ml/ chai	35
8	Diethyl ether	60-29-7	Chemsol	2026	Chemsol	Việt Nam	Phần trăm độ tinh khiết: 99.5%. Dạng vật lý: Không màu, trong suốt, không cặn. Tỷ trọng 20 độ C: 0.713-0.715	500ml/ chai	30
9	NH3 solution (35%)	A/3280/PB17	Fisher Scientific	2026	Thermo Fisher Scientific	Mỹ	Nồng độ 32-36%. Tỉ trọng d = 0.88 g/mL Certified AR for Analysis	Chai/ 2.5L	1
10	Acid acetic	64-19-7	Xilong	2026	Xilong	Trung Quốc	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.5% . Điểm kết tinh ≥15.1 °C . Cặn sau khi bay hơi ≤0.002 %	500ml/ chai	11

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
11	HCl	7647-01-0	Xilong	2026	Xilong	Trung Quốc	Phần trăm độ tinh khiết: 36.0~38.0 % . Hàm lượng Fe \leq 0.00005 % . Hàm lượng SO4 \leq 0.0002 %	Chai/ 500ml	5
12	H2SO4	7664-93-9	Xilong	2026	Xilong	Trung Quốc	Phần trăm độ tinh khiết: 95.0~98.0 % . Cặn sau khi nung nóng \leq 0.001 %	500ml/chai	4
13	Dung dịch chuẩn pH 7	51350006	Mettler Toledo	2026	Mettler Toledo	Thụy Sĩ	Dạng lỏng, đồng nhất. pH = 7.00 tại 25oC độ sai số +/- 0.02	Chai 250 mL	2
14	Dung dịch chuẩn pH 4	51350004	Mettler Toledo	2026	Mettler Toledo	Thụy Sĩ	Dạng lỏng, đồng nhất. pH = 4.0 tại 25oC độ sai số +/- 0.02	Chai 250 mL	2
15	Dung dịch chuẩn pH 9.21	51350008	Mettler Toledo	2026	Mettler Toledo	Thụy Sĩ	Dạng lỏng, đồng nhất. pH = 9.21 tại 25oC độ sai số +/- 0.02	Chai 250 mL	2
16	Acid gallic	G-04324	Oxford	2026	Oxford	Ấn Độ	Độ tinh khiết: >98% Dạng bột màu trắng hoặc vàng nhẹ	Chai/ 100g	1
17	AlCl3	7784-13-6	Xilong	2026	Xilong	Trung Quốc	Phần trăm độ tinh khiết: 98- 100.5 %. Thang đo pH \geq 2.5 . Chất không hoà tan trong nước \leq 0.025% . Hàm lượng Nh4 \leq 0.02%	500g/ chai	3
18	2,2-Diphenyl-1-picrylhydrazyl (DPPH)	D9132-1G	Sigma	2026	Sigma	Ấn Độ	Phần trăm độ tinh khiết: 98%	1g/chai	1
19	Folin-Ciocalteu phenol reagent	1090010100	Merck	2026	Merck	Đức	Tỷ trọng 1.24 g/cm3 (20 °C)	Chai/100mL	2
20	Sodium carbonate	497-19-8	Trung Quốc	2026	Trung Quốc	Trung Quốc	Phần trăm độ tinh khiết: \geq 99.8%. Chất không hoà tan trong nước \leq 0.01%. Hàm lượng Cl \leq 0.002%. Hàm lượng Mg \leq 0.002%.	500g/ chai	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
21	Sodium sulfate	7757-82-6	Trung Quốc	2026	Trung Quốc	Trung Quốc	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99\%$. Thang đo pH 5-8. Hàm lượng PO ₄ $\leq 0.001\%$. Hàm lượng K $\leq 0.01\%$. Hàm lượng Fe $\leq 0.0005\%$.	500g/ chai	1
22	NaH ₂ PO ₄ .2H ₂ O		Trung Quốc	2026	Trung Quốc	Trung Quốc	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99,0\%$. Chloride(Cl): $\leq 0,005\%$. Sulfate(SO ₄): $\leq 0,005\%$.	Chai/ 500 gam	1
23	Na ₂ HPO ₄ .12H ₂ O		Trung Quốc	2026	Trung Quốc	Trung Quốc	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99,0\%$. Giá trị pH (50g /L, 25 °C): 9,1 - 9,4. Chloride(Cl): $\leq 0,001\%$.	Chai/ 500 gam	1
24	Tyloxapol						CAS: 25301-02-4, Polymer dạng Poly(oxy-1,2-ethanediyl), Tinh khiết: Cấp độ nghiên cứu, Chất lỏng sánh nhớt, có màu vàng đến hổ phách	Chai/5g	2
25	Alloxan	A7413-10G	Sigma	2026	Sigma	Thụy Sĩ	CAS: 2244-11-3, độ tinh khiết $\geq 98\%$, Dạng bột hoặc tinh thể màu trắng, vàng nhạt đến hồng nhạt	Chai/10g	1
26	Silicagel pha thường 60, 0,04-0,06mm	GE0048025P	Scharlau - Tây Ban Nha	2026	Scharlau - Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	Dạng vật lý: bột, màu trắng. Độ hòa tan trong nước: (20 °C): không tan. Hút ẩm.	Thùng/25 kg	1
27	Bảng mỏng silicagel F254	1055540001	Merck	2026	Merck	Đức	Tấm nhôm được phủ lớp silicagel. Kích thước 20x20 cm.	Hộp/20t	10
28	Bảng mỏng silica gel pha đảo 60 RP-18 F254S	1055590001	Merck	2026	Merck	Đức	Tấm nhôm được phủ lớp silicagel. Kích thước 20x20 cm.	Hộp/20t	1
29	Giá treo micropipet dạng	LHP-PS02	Phoenix	2026	Phoenix	Trung	Nhựa ABS, Polycarbonate hoặc vật liệu	Cái	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Hãng sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
	tròn		Instrument - Germany		Instrument - Germany	Quốc	tương đương, chịu lực, chống ăn mòn hóa chất cơ bản. Chứa được tối thiểu 6 vị trí micropipet		
30	Micropipette 0.5-10 uL	LHP2-V05	Phoenix Instrument - Germany	2026	Phoenix Instrument - Germany	Trung Quốc	Độ chính xác ± %: 1,00. Hiện thị vạch chia < %: 0,50. Có thể hấp tiết trùng.	Cái	2
31	Micropipette 10-100 uL	LHP2-V10	Phoenix Instrument Gmbh	2026	Phoenix Instrument Gmbh	Trung Quốc	Độ chính xác ± %: 1,00. Hiện thị vạch chia < %: 0,40. Có thể hấp tiết trùng.	Cái	2
32	Micropipette 100-1000 uL	LHP2-V100	Phoenix Instrument	2026	Phoenix Instrument Gmbh	Trung Quốc	Độ chính xác ± %: 0,70. Hiện thị vạch chia < %: 0,25. Có thể hấp tiết trùng.	Cái	2
33	Giá nâng thí nghiệm (bàn nâng) 20cmx20cm	LJ550-200	ONELAB	2026	ONELAB	Trung Quốc	Vật liệu: Thép không gỉ. Kích thước: 200 x 200mm.	Cái	1

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thành tiền (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1.													
2.													

Điều khoản thương mại:

- Thời hạn hiệu lực của báo giá: 90 ngày
- Thời gian giao hàng: 90 ngày
- Điều khoản thanh toán: Thanh toán chuyển khoản 100%
- Điều khoản bảo hành